

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ BÁN DẪN

Khóa tuyển: 2024

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-KHTN ngày
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)*

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- 1.1. Tên ngành đào tạo:
 - Tiếng Việt: **Công nghệ bán dẫn**
 - Tiếng Anh: **Semiconductor Technology**
- 1.2. Mã ngành đào tạo: **7440108**
- 1.3. Trình độ đào tạo: **Đại học**
- 1.4. Tên chương trình: **Công nghệ bán dẫn**
- 1.5. Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- 1.6. Thời gian đào tạo: **4 năm**
- 1.7. Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tên tiếng Việt: **Cử nhân Công nghệ bán dẫn**
 - Tên tiếng Anh: **Bachelor of Semiconductor Technology**
- 1.8. Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**
- 1.9. Nơi đào tạo:
 - Cơ sở 1: 227 Nguyễn Văn Cừ, P. 4, Q. 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 2: Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu đào tạo

- 2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân Công nghệ bán dẫn có trình độ chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành thành thạo, năng lực sáng tạo cao, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp tốt, sử dụng ngoại ngữ chuyên môn thành thạo, có đạo đức nghề nghiệp và tính chuyên nghiệp cao, có khả năng thích nghi linh hoạt và tự học suốt đời đáp ứng

nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

STT	Ký hiệu mục tiêu (MT hoặc G)	Nội dung
KIẾN THỨC		
1	MT1.1	Có kiến thức về khoa học tự nhiên, kinh tế, xã hội và tư tưởng chính trị, pháp luật và an ninh quốc phòng để hỗ trợ các vấn đề liên quan Công nghệ bán dẫn
2	MT1.2	Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Công nghệ bán dẫn nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn.
KỸ NĂNG		
3	MT2.1	Có kỹ năng cá nhân như độc lập, sáng tạo, tư duy phản biện, học tập suốt đời, giải quyết vấn đề, tư duy logic, nghiên cứu khoa học nhằm phát triển sự nghiệp.
4	MT2.2	Có các kỹ năng mô phỏng, thực nghiệm, kiểm tra, tổng hợp dữ liệu và đánh giá kết quả nghiên cứu và phát triển sản phẩm Công nghệ bán dẫn.
5	MT2.3	Có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, thuyết trình và báo cáo kỹ thuật, hợp tác và làm việc theo nhóm, tổ chức, lãnh đạo.
6	MT2.4	Có các kỹ năng đề xuất ý tưởng, phân tích, thiết kế và vận hành hệ thống trong lĩnh vực Công nghệ bán dẫn.
THÁI ĐỘ		
7	MT3.1	Có văn hóa nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng bản thân và đồng nghiệp, tôn trọng sự khác biệt, trung thực, phục vụ cộng đồng.
TRÁCH NHIỆM NGHỀ NGHIỆP		

STT	Ký hiệu mục tiêu (MT hoặc G)	Nội dung
8	MT4.1	Hình thành phẩm chất nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, thích ứng với môi trường mới.

2.3. Chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (*được cụ thể hóa từ mục tiêu cụ thể*)

Thứ tự các CDR	Ký hiệu CDR (CCT hoặc ELO)	Nội dung CDR	Mức độ đạt được của CDR (theo thang đánh giá Bloom)*	Liên kết giữa CDR và mục tiêu CTĐT
KIẾN THỨC				
1	CCT1.1	Áp dụng kiến thức cơ bản của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào công việc thực tiễn.	3,5	MT1.1
2	CCT1.2	Vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vật lý và toán học, công nghệ thông tin để phân tích lý thuyết, mô phỏng và thực nghiệm các quá trình liên quan.	3,5	MT1.1 MT1.2
3	CCT1.3	Phân tích các kiến thức chuyên ngành để định hướng phát triển sản phẩm thuộc lĩnh vực Công nghệ bán dẫn.	4,5	MT1.1 MT1.2
KỸ NĂNG				
4	CCT2.1	Thực hiện phối hợp các kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, thực	4	MT2.1

Thứ tự các CDR	Ký hiệu CDR (CCT hoặc ELO)	Nội dung CDR	Mức độ đạt được của CDR (theo thang đánh giá Bloom)*	Liên kết giữa CDR và mục tiêu CTĐT
		hành trong lĩnh vực đào tạo.		
5	CCT2.2	Thể hiện khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và tư duy logic, tôn trọng sự khác biệt.	3,5	MT2.1 MT3.1
6	CCT2.3	Hoàn thành kỹ năng năng thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm, tổ chức, lãnh đạo, thích ứng với môi trường mới	3	MT2.3 MT4.1
7	CCT2.4	Đề xuất ý tưởng, mô phỏng, thực nghiệm, phân tích, thiết kế và vận hành các sản phẩm Công nghệ bán dẫn ứng dụng trong thực tế	4,5	MT2.2 MT2.4
8	CCT2.5	Phát triển các công nghệ chế tạo bán dẫn, quy trình sản xuất và kiểm tra, công nghệ đóng gói sản phẩm linh kiện bán dẫn	4	MT2.1 MT2.2
9	CCT2.6	Thể hiện khả năng sử dụng tiếng Anh theo quy định.	3,5	MT2.3
THÁI ĐỘ				
10	CCT3.1	Điều chỉnh hành vi về văn hóa nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng bản thân và đồng nghiệp, tôn trọng sự khác biệt, trung thực, phục vụ cộng đồng.	4	MT3.1
TRÁCH NHIỆM NGHỀ NGHIỆP				

Thứ tự các CDR	Ký hiệu CDR (CCT hoặc ELO)	Nội dung CDR	Mức độ đạt được của CDR (theo thang đánh giá Bloom)*	Liên kết giữa CDR và mục tiêu CTĐT
11	CCT4.1	Kết nối các cá nhân trong hoạt động phục vụ cộng đồng, trách nhiệm xã hội và thích ứng linh hoạt với môi trường làm việc.	4	MT4.1

2.4. Cơ hội nghề nghiệp/công việc người học có thể đảm nhận

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Công nghệ bán dẫn có thể công tác ở những lĩnh vực sau:

- Làm việc tại các công ty nước ngoài liên quan đến lĩnh vực công nghệ chế tạo bán dẫn, vi mạch điện tử như Intel, Samsung, FPT, Viettel, Renesas, On Semiconductors, Faraday, TrueChip, Synopsys, Ampere Computing, ...
- Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học trong nước và quốc tế.
- Làm việc và nghiên cứu trong các phòng thí nghiệm của các trường Đại học, các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế.
- Làm trong các công ty thuộc các lĩnh vực công nghệ nano, màng mỏng, quang – quang phổ, trung tâm khoa học vật liệu, các trung tâm phân tích, Viện Công Nghệ Nano, Trung tâm Inomar (ĐHQG-HCM), Khu Công nghệ cao TP. HCM, ...
- Tiếp tục học sau đại học tại các nước phát triển.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 137 tín chỉ (không kể môn GDQP-AN, GDTC, Tin học cơ sở và Ngoại ngữ).

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.

5.1. Quy trình đào tạo:

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-KHTN ngày 24 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên phải đồng thời thỏa các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số tín chỉ của khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp như đã mô tả ở mục 6 và mục 7 của CTĐT này.

- Thỏa các điều kiện tại Điều 17 Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-KHTN ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

6. Cấu trúc chương trình đào tạo

ST T	KHỐI KIẾN THỨC		SỐ TÍN CHỈ				Tổng số tín chỉ tích lũy khi tốt nghiệp (1+2+3+4)	GHI CHÚ
			Bắt buộc	Tự chọn	Tự chọn tự do	Tổng cộng		
1	Giáo dục đại cương (không kể môn GDQP-AN, GDTC, tin học cơ sở và ngoại ngữ) (1)		47	4		51	137	
2	Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành (2)	40			40		
		Chuyên ngành (3)		36		36		
		Tốt nghiệp (4)	10			10		

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương

Tích lũy tổng cộng 51 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh, Tin học cơ sở và Ngoại ngữ):

7.1.1. Lý luận chính trị - Pháp luật

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
1	BAA00101	Triết học Mác – Lênin	3	45	0	0	BB	
2	BAA00102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	0	0	BB	
3	BAA00103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	BB	
4	BAA00104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	BB	
5	BAA00003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	BB	
6	BAA00004	Pháp luật đại cương	3	45	0	0	BB	
TỔNG CỘNG			14	210	0	0		

7.1.2. Khoa học xã hội – Kinh tế - Kỹ năng

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
1	BAA00005	Kinh tế đại cương	2	30	0	0	TC	Chọn 1 trong 3 học phần
2	BAA00006	Tâm lý đại cương	2	30	0	0	TC	
3	BAA00007	Phương pháp luận sáng tạo	2	30	0	0	TC	
TỔNG CỘNG			2	30	0	0		

7.1.3. Toán – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
1	MTH00003	Vi tích phân 1B	3	45	0	0	BB	
2	MTH00004	Vi tích phân 2B	3	45	0	0	BB	
3	MTH00081	Thực hành Vi tích phân 1B	1	0	30	0	BB	
4	MTH00030	Đại số tuyến tính	3	45	0	0	BB	
f5	MTH00040	Xác suất thống kê	3	45	0	0	BB	
6	CHE00001	Hóa đại cương 1	3	30	0	30	BB	
7	PHY00001	Vật lý đại cương 1 (Cơ – Nhiệt)	3	45	0	0	BB	
8	PHY00002	Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)	3	45	0	0	BB	
9	PHY00004	Vật lý hiện đại (Lượng tử - Nguyên tử - Hạt nhân)	3	45	0	0	BB	
10	SEM00001	Giới thiệu ngành Công nghệ bán dẫn	3	15	60	0	BB	
11	SEM00002	Kỹ thuật lập trình Python	3	30	30	0	BB	
12	PHY00081	Thực hành Vật lý đại cương	2	0	60	0	BB	
13	GEO00002	Khoa học trái đất	2	30	0	0	TC	Chọn 1 trong 3
14	ENV00001	Môi trường đại cương	2	30	0	0	TC	
15	SEM00003	Phát triển bền vững	2	30	0	0	TC	
TỔNG CỘNG			35	420	180	30		

7.1.4. Tin học (không tính vào điểm trung bình).

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
1	CSC00003	Tin học cơ sở	3	15	60	0	BB	Không tính vào điểm TBTL
TỔNG CỘNG			3	15	60	0		

7.1.5. Ngoại ngữ (không tính vào điểm trung bình)

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	
1	ADD0003 1	Anh văn 1	3	30	30	0	SV đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra theo quy định hiện hành thì không đăng ký học các học phần Anh văn
2	ADD0003 2	Anh văn 2	3	30	30	0	
3	ADD0003 3	Anh văn 3	3	30	30	0	
4	ADD0003 4	Anh văn 4	3	30	30	0	
TỔNG CỘNG			12	120	120	0	

Sinh viên thực hiện theo Quy định về việc tổ chức học ngoại ngữ, chuẩn ngoại ngữ trong quá trình học và chuẩn ngoại ngữ khi tốt nghiệp đại học hệ chính quy chương trình đại trà ban hành kèm theo Quyết định số 1625/QĐ-KHTN ngày 26/09/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

7.1.6. Giáo dục thể chất (không tính vào điểm trung bình)

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
1	BAA00021	Thể dục 1	2	15	30	0	BB	Không tính vào điểm TBTL
2	BAA00022	Thể dục 2	2	15	30	0	BB	
TỔNG CỘNG			4	30	60	0		

7.1.7. Giáo dục quốc phòng-An ninh (không tính vào điểm trung bình)

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
1	BAA00030	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4				BB	Không tính vào điểm TBTL
TỔNG CỘNG			4					

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tích lũy tổng cộng 40 tín chỉ từ các học phần theo bảng sau đây:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
	PHY10003	Phương pháp tính	3	30	30	0	BB	HK 3
	PHY10005	Điện tử cơ bản	3	30	30	0	BB	HK 4
	PHY10007	Cơ lượng tử 1	3	45	0	0	BB	HK 4
	PHY10011	Vật lý thống kê	3	45	0	0	BB	HK 4
	SEM10001	Vật lý chất rắn và bán dẫn	3	45	0	0	BB	HK 4
	SEM10002	Vật lý linh kiện bán dẫn	3	45	0	0	BB	HK 4
	SEM10003	Công nghệ chế tạo bán dẫn cơ bản	3	30	30	0	BB	HK 4
	SEM10004	Kỹ thuật vi chế tạo	3	15	60	0	BB	HK 5
	SEM10005	Tính chất đặc trưng của bán dẫn	3	45	0	0	BB	HK 5
	SEM10006	Mạch điện tử và kỹ thuật số	4	45	30	0	BB	HK 5
	SEM10007	Thiết bị đo lường	3	30	30	0	BB	HK 5
	SEM10008	Công nghệ đóng gói linh kiện bán dẫn	3	45	0	0	BB	HK 5
	SEM10009	Thiết kế vi mạch bán dẫn	3	30	30	0	BB	HK 5
TỔNG CỘNG			40	480	240	0		

7.2.2 Khối kiến thức chuyên ngành: Tích lũy tổng cộng 33 tín chỉ từ các học phần theo bảng sau đây:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
Hướng 1: Mô hình hóa và Công nghệ kiểm tra, đóng gói								
1	SEM10101	Linh kiện vi cơ điện tử	3	30	30	0	TC	HK 6
2	SEM10102	Phân tích mạch	2	30	0	0	TC	HK 6
3	SEM10103	Công nghệ đóng gói nâng cao	3	45	0	0	TC	HK 6
4	SEM10104	Quản lý nhiệt cho các linh kiện điện tử	3	45	0	0	TC	HK 6
5	SEM10105	Sản xuất linh kiện bán dẫn và kiểm soát quy trình	3	30	30	0	TC	HK 6
6	SEM10106	Quản lý chất lượng (Tester)	3	45	0	0	TC	HK 6
7	SEM10107	Quản lý an toàn thiết bị (Safety)	3	45	0	0	TC	HK 7
8	SEM10108	Mô hình linh kiện bán dẫn	3	30	30	0	TC	HK 7
9	SEM10109	Kỹ thuật mô phỏng	3	30	30	0	TC	HK 7
10	SEM10110	Mô phỏng nhiệt động học plasma trong chế tạo bán dẫn	3	30	30	0	TC	HK 7
11	SEM10111	Mô phỏng cấu trúc vùng năng lượng trong vật liệu bán dẫn	3	45	0	0	TC	HK 7
12	SEM10112	Mô phỏng các công nghệ chế tạo bán dẫn	3	45	0	0	TC	HK 7
13	SEM10113	Công nghệ mạch tích hợp mật độ cao	3	45	0	0	TC	HK 7
14	SEM10114	Thiết bị logic khả trình	3	45	0	0	TC	HK 7
Hướng 2: Ứng dụng Công nghệ bán dẫn								

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
15	SEM10115	Quang điện tử bán dẫn	3	30	30	0	TC	HK 6
16	SEM10116	Vật liệu và linh kiện bộ nhớ bán dẫn	3	30	30	0	TC	HK 6
17	SEM10117	Kỹ thuật phân tích vật liệu bán dẫn	3	30	30	0	TC	HK 6
18	SEM10118	Công nghệ chế tạo cảm biến	4	30	60	0	TC	HK 6
19	SEM10119	Chiếu sáng thông minh, laser và quang tử học	3	45	0	0	TC	HK 6
20	SEM10120	Vật liệu chuyển hóa năng lượng	4	45	30	0	TC	HK 6
21	SEM10121	Phương pháp phân tích khuyết tật bán dẫn	3	45	0	0	TC	HK 7
22	SEM10122	Điện hóa bán dẫn	3	30	30	0	TC	HK 7
23	SEM10123	Công nghệ hiển thị hình ảnh	3	45	0	0	TC	HK 7
24	SEM10124	Ứng dụng công nghệ bức xạ trong vật liệu bán dẫn	3	45	0	0	TC	HK 7
25	SEM10125	Pin nhiên liệu và công nghệ mới trong lưu trữ năng lượng	3	45	0	0	TC	HK 7
26	SEM10126	Hệ thống nhúng và IoT	3	30	30	0	TC	HK 7
27	PHY10618	Máy học	3	30	30	0	TC	HK 7
28	PHY10614	Thực tập thực tế	2	0	60	0	TC	HK 7
TỔNG CỘNG			33					

7.2.3 Khối kiến thức bổ trợ: tích lũy 3 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT			Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập		
1	PHY00017	Đổi mới sáng tạo	3	45	0	0	TC	HK6, Chọn 1 môn
2	SEM10127	Phương pháp nghiên cứu và phát triển	3	45	0	0	TC	

7.2.4. Kiến thức tốt nghiệp: 10 tín chỉ (sinh viên chọn 1 trong 2 phương án để tích lũy 10 TC)

Phương án 1

ST T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT				Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Thực hiện đề tài		
1	SEM10995	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	0	0	300	BB	

Phương án 2

ST T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	SỐ TIẾT				Loại học phần	Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Thực hiện đề tài		
1	SEM10991	Đồ án tốt nghiệp	6	0	0	0	180	BB	
2		Chọn tối thiểu 02 môn học (4 tín chỉ) tùy ý trong các môn tự chọn chưa học ở HK 6 và 7	4					TC	
TỔNG CỘNG			10						

Dự kiến kế hoạch giảng dạy/cấu trúc chương trình dạy học, liên kết giữa học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mức độ đạt được của CDR (theo thang đánh giá Bloom)	Liên kết giữa học phần và CDR CTĐT
1	BAA00101	Triết học Mác - Lênin	3	2	CCT1.1
	BAA00102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	CCT1.1
	BAA00004	Pháp luật đại cương	3	2	CCT1.1; CCT3.1
	MTH00003	Vi tích phân 1B	3	3	CCT1.1
	MTH00081	Thực hành Vi tích phân 1B	1	3	CCT1.1
	PHY00001	Vật lý đại cương 1 (Cơ - Nhiệt)	3	3	CCT1.1
	SEM00001	Giới thiệu ngành Công nghệ bán dẫn	3	3	CCT1.1; CCT1.3; CCT2.1; CCT3.1
	ADD00031	Anh văn 1	3	2	CCT2.6
	BAA00021	Thể dục 1	2	2	CCT1.1
	BAA00030	Giáo dục quốc phòng – An ninh	4	2	CCT3.1; CCT4.1
TỔNG CỘNG HK1			23		
2	CHE00001	Hóa đại cương 1	3	2	CCT1.1
	MTH00004	Vi tích phân 2B	3	3	CCT1.1
	MTH00030	Đại số tuyến tính	3	3	CCT1.1
	PHY00002	Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)	3	3	CCT1.1; CCT1.2
	PHY00004	Vật lý hiện đại (Lượng tử - Nguyên tử - Hạt nhân)	3	3	CCT1.1; CCT1.2
	PHY00081	Thực hành Vật lý đại cương	2	3	CCT1.1; CCT2.3
	CSC00003	Tin học cơ sở	3	2	CCT1.1
	ADD00032	Anh văn 2	3	2	CCT2.6
	BAA00022	Thể dục 2	2	2	CCT1.1
	TỔNG CỘNG HK 2			25	
3	BAA00103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	CCT1.1
	BAA00104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	CCT1.1
	BAA00003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	CCT1.1
	MTH00040	Xác suất thống kê	3	3	CCT1.1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mức độ đạt được của CDR (theo thang đánh giá Bloom)	Liên kết giữa học phần và CDR CTĐT
	BAA00005	Kinh tế đại cương (TC)	2	2	CCT1.1
	BAA00006	Tâm lý đại cương (TC)	2	2	CCT1.1
	BAA00007	Phương pháp luận sáng tạo (TC)	2	2	CCT1.1; CCT3.1
	GEO00002	Khoa học trái đất (TC)	2	2	CCT1.1
	ENV00001	Môi trường đại cương (TC)	2	2	CCT1.1
	SEM00003	Phát triển bền vững (TC)	2	3	CCT1.1; CCT2.3; CCT4.1
	SEM00002	Kỹ thuật lập trình Python	3	4	CCT1.2; CCT2.4; CCT3.1
	PHY10003	Phương pháp tính	3	3	CCT1.2; CCT2.2
	ADD00033	Anh văn 3	3	2	CCT2.6
TỔNG CỘNG HK3			22		
4	PHY10005	Điện tử cơ bản	3	3	CCT1.2; CCT2.4
	PHY10007	Cơ lượng tử 1	3	3	CCT1.2; CCT2.1
	PHY10011	Vật lý thống kê	3	3	CCT1.2; CCT2.1
	SEM10001	Vật lý chất rắn và bán dẫn	3	3,5	CCT1.2; CCT1.3; CCT2.1; CCT3.1
	SEM10002	Vật lý linh kiện bán dẫn	3	3,5	CCT1.2; CCT2.1; CCT2.1
	SEM10003	Công nghệ chế tạo bán dẫn cơ bản	3	4	CCT1.2; CCT2.2; CCT3.1
	ADD00034	Anh văn 4	3	2	CCT2.6
TỔNG CỘNG HK 4			21		
5	SEM10004	Kỹ thuật vi chế tạo	3	4	CCT1.3; CCT2.1;
	SEM10005	Tính chất đặc trưng của bán dẫn	3	4	CCT1.3; CCT2.1; CCT3.1
	SEM10006	Mạch điện tử và kỹ thuật số	4	4	CCT1.1; CCT1.2; CCT2.3;

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mức độ đạt được của CDR (theo thang đánh giá Bloom)	Liên kết giữa học phần và CDR CTĐT
					CCT3.1
	SEM10007	Thiết bị đo lường	3		
	SEM10008	Công nghệ đóng gói linh kiện bán dẫn	3	4	CCT1.3; CCT2.3; CCT3.1
	SEM10009	Thiết kế vi mạch bán dẫn	3	4	CCT1.3; CCT2.1; CCT3.1; CCT4.1
TỔNG CỘNG HK 5			19		
6	SEM10101	Linh kiện vi cơ điện tử (TC)	3	4	CCT1.1; CCT1.2; CCT1.3; CCT2.1; CCT2.3; CCT2.6; CCT3.1;
	SEM10102	Phân tích mạch (TC)	2	4	CCT1.3; CCT2.2
	SEM10103	Công nghệ đóng gói nâng cao (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.3 CCT3.1;
	SEM10104	Quản lý nhiệt cho các linh kiện điện tử (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.4; CCT3.2
	SEM10105	Sản xuất linh kiện bán dẫn và kiểm soát quy trình (TC)	3	4	CCT1.3; CCT1.3; CCT2.5; CCT3.1
	SEM10106	Quản lý chất lượng (Tester) (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.5; CCT3.1
	SEM10115	Quang điện tử bán dẫn (TC)	3	3,5	CCT1.3; CCT2.3; CCT3.1
	SEM10116	Vật liệu và linh kiện bộ nhớ bán dẫn (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.5; CCT3.1
	SEM10117	Kỹ thuật phân tích vật liệu bán dẫn (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.1; CCT2.2; CCT3.1
	SEM10118	Công nghệ chế tạo cảm biến	4	4	CCT1.3; CCT2.2;

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mức độ đạt được của CDR (theo thang đánh giá Bloom)	Liên kết giữa học phần và CDR CTĐT
					CCT3.1
	SEM10119	Chiếu sáng thông minh, laser và quang tử học (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.2; CCT2.3; CCT3.1
	SEM10120	Vật liệu chuyển hóa năng lượng	4	4	CCT1.1 CCT1.3; CCT2.4
	PHY00017	Đổi mới sáng tạo (TC)	3	4	CCT2.1; CCT2.3; CCT3.1; CCT4.1
	SEM10127	Phương pháp nghiên cứu và phát triển (TC)	3	4	CCT2.2; CCT2.3; CCT2.6; CCT3.1
TỔNG CỘNG HK 6			18		
	SEM10107	Quản lý an toàn thiết bị (Safety) (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.1; CCT3.1
	SEM10108	Mô hình linh kiện bán dẫn (TC)	3	4,5	CCT1.3; CCT2.4; CCT3.1
	SEM10109	Kỹ thuật mô phỏng (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.4
	SEM10110	Mô phỏng nhiệt động học plasma trong chế tạo bán dẫn (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.4; CCT3.1
	SEM10111	Mô phỏng cấu trúc vùng năng lượng trong vật liệu bán dẫn (TC)	3	4	CCT1.1; CCT1.2; CCT2.2; CCT2.6; CCT3.1
	SEM10112	Mô phỏng các công nghệ chế tạo bán dẫn (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.3; CCT3.1
	SEM10113	Công nghệ mạch tích hợp mật độ cao (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.1; CCT3.1
	SEM10114	Thiết bị logic khả trình (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.3
	SEM10121	Phương pháp phân tích khuyết tật bán dẫn (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.1; CCT2.3; CCT3.1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mức độ đạt được của CDR (theo thang đánh giá Bloom)	Liên kết giữa học phần và CDR CTĐT
	SEM10122	Điện hóa bán dẫn (TC)	3	4	CCT1.1 CCT1.3; CCT2.4; CCT3.1
	SEM10123	Công nghệ hiển thị hình ảnh (TC)	3	4,5	CCT1.3; CCT2.4; CCT3.1
	SEM10124	Ứng dụng công nghệ bức xạ trong vật liệu bán dẫn (TC)	3	4	CCT1.1; CCT1.2; CCT1.3; CCT2.2; CCT2.6; CCT3.1
	SEM10125	Pin nhiên liệu và công nghệ mới trong lưu trữ năng lượng (TC)	3	4	CCT1.3; CCT2.4; CCT3.1
	SEM10126	Hệ thống nhúng và IoT (TC)	3	4	CCT1.2; CCT1.3; CCT2.1; CCT3.1; CCT4.1
	PHY10618	Máy học (TC)	3	3	CCT1.2; CCT2.1; CCT2.2; CCT2.6; CCT3.1
	PHY10614	Thực tập thực tế (TC)	2	4	CCT1.3; CCT2.1; CCT2.2; CCT2.3; CCT3.1; CCT4.1
TỔNG CỘNG HK 7			18		
8	Phương án 1				
	SEM10995	Khóa luận tốt nghiệp	10	4	CCT1.3; CCT2.1; CCT2.2; CCT2.3; CCT2.4; CCT2.5; CCT2.6; CCT3.1; CCT4.1
	Phương án 2				
	SEM10991	Đồ án tốt nghiệp	6	4	CCT1.3;

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mức độ đạt được của CĐR (theo thang đánh giá Bloom)	Liên kết giữa học phần và CĐR CTĐT
					CCT2.1; CCT2.2; CCT2.3; CCT2.4; CCT2.5; CCT2.6; CCT3.1; CCT4.1
		Chọn tối thiểu 02 môn học (4 tín chỉ) tùy ý trong các môn tự chọn chưa học ở HK 6 và 7	4	4	
TỔNG CỘNG HK 8			10		

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG

HUỲNH VĂN TUẤN